

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 73/2024/QĐST-HNGĐ

TP. C, ngày 17 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

Căn cứ khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân - gia đình thụ lý số 63/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trần Văn H (tên khác: Út Anh), sinh năm 1990;

Địa chỉ: Số 288, đường K, tổ 1, ấp 3, xã Mỹ Trà, thành phố C, tỉnh Đ.

2. Chị Nguyễn Thị W, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 789, khu dân cư số 3, tổ 2, ấp Long H, xã T, Cện N, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị W kết hôn vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Trà, thành phố C, tỉnh Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 07/01/2011. Thời gian sống chung thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay, khoảng thời gian xa nhau vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nhận thấy tính cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh H và chị W thống nhất thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Gia S, sinh ngày 01/6/2011 và Trần Gia C, sinh ngày 17/02/2017. Hiện nay 02 con chung đang sống với anh H. Anh H và chị W thống nhất chị W tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/(hai con), cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3]. Về tài sản chung: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị W xác nhận không có.

[4]. Về nợ chung: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị W xác nhận không có.

[5]. Về lệ phí việc dân sự : Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị W tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản H giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị W thống nhất thuận tình ly hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 07/01/2011 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ Trà, thành phố C, tỉnh Đ).

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Gia S, sinh ngày 01/6/2011 và Trần Gia C, sinh ngày 17/02/2017. Hiện nay 02 con chung đang sống với anh H. Anh H và chị W thống nhất chị W tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung.

Về *cấp dưỡng nuôi con*: Anh Trần Văn H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung, cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng)/(hai con), cấp dưỡng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị W xác nhận không có.

Về nợ chung: Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị W xác nhận không có.

Về lệ phí việc dân sự : Anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị W tự nguyện chịu số tiền 300.000 đồng. Lệ phí việc dân sự được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009649, ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đ. Anh H và chị W đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.